

Số: **85/2020/QĐST-HNGĐ**

Sóc Trăng, ngày 15 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình số 138/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: **Ông Châu Đức T, sinh năm 1984;**

Địa chỉ: ấp T, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: **Bà Trương Thị Ngọc N, sinh năm 1993;**

Địa chỉ: đường H, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2020

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Châu Đức T và bà Trương Thị Ngọc N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Sau khi ông Châu Đức T và bà Trương Thị Ngọc N ly hôn, con chung tên Châu Trương Thành Nh, sinh ngày 23/09/2012 (nam) sẽ do bà Trương Thị Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi;

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Châu Đức T và bà Trương Thị Ngọc N thống nhất ông Châu Đức T cấp dưỡng hàng tháng mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu Nhân đủ 18 tuổi.

Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng được tính từ tháng 8/2020 cho đến khi Nhân đủ 18 tuổi. Địa điểm thực hiện việc cấp dưỡng do ông Châu Đức T và

bà Trương Thị Ngọc N tự thỏa thuận.

Ông Châu Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Châu Trương Thành Nh, sinh ngày 23/09/2012 (nam) mà không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Ông Châu Đức T và bà Trương Thị Ngọc N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Châu Đức T và bà Trương Thị Ngọc N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng 150.000 đồng, ông Châu Đức T đồng ý chịu toàn bộ. Nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Châu Đức T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004354 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Ông Châu Đức T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- Tòa án ND – TST;
- Chi cục THADS - TPST;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Trúc Phương